



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng dữ liệu an toàn này chỉ dành cho HP sử dụng với các sản phẩm HP Chính hãng. Mọi hành vi sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này đều bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý do HP thực hiện. ***
Mã định danh sản phẩm	4UV83Series
Các hình thức nhận dạng khác	Không có.
Công dụng đề nghị	In phun
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Le Duan, Saigon Tower, 10th floor, District 1 P.C. Ho Chi Minh City Việt Nam
Điện Thoại	+84 28 3823 4151
HP Inc. health effect line (Toll-free within US)	1-800-457-4209
(Direct)	1-760-710-0048
HP Inc. Customer Care Line (Toll-free within the US)	1-800-474-6836
(Direct)	1-208-323-2551
Email:	hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Không được phân loại.
Các hiểm họa cho môi trường	Không được phân loại.
Các thành phần của nhãn	
Ký hiệu hiểm họa	Không có.
Từ cảnh báo	Không có.
Công bố hiểm họa	Không có dữ liệu.
Thông điệp đề phòng	
Phòng Ngừa	Không có dữ liệu.
Ứng phó	Không có dữ liệu.
Bảo Quản	Không có dữ liệu.
Thải bỏ	Không có dữ liệu.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Điôxit titan được IARC phân loại là chất gây ung thư Nhóm 2B, nghĩa là chưa có bằng chứng đầy đủ về tính gây ung thư của điôxit titan ở con người, nhưng có bằng chứng đầy đủ về tính gây ung thư của chất này ở động vật thí nghiệm. Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này. Các đường phơi nhiễm quá mức tiềm ẩn đối với sản phẩm này bao gồm tiếp xúc với da và mắt. Việc hít phải hơi và nuốt vào không được dự kiến là đường phơi nhiễm đáng kể cho sản phẩm này trong các điều kiện sử dụng bình thường.
Thông tin thêm	2-pyrrolidone: Giới hạn nồng độ cụ thể, Độc tính sinh sản Loại 1B, khả năng sinh sản hoặc thai nhi 3%. Ngưỡng phân loại hỗn hợp dựa trên dữ liệu liên quan đến độc tính đối với sự phát triển ở động vật. Không quan sát thấy ảnh hưởng bất lợi lên chức năng sinh sản hoặc tổn hại đến khả năng sinh sản trong nghiên cứu trên động vật. Xem Phần 11.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Thành phần nguy hại Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
1,2-butanediol		584-03-2 209-527-2	<20
2-pyrrolidone		616-45-5 210-483-1	<3

Các thành phần không nguy hiểm

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
Nước		7732-18-5 231-791-2	45-70
Titan dioxyt		13463-67-7 236-675-5	<10

Nhận xét cấu tạo

Nguồn cấp mực này chứa công thức mực có nước.

2-pyrrolidone: Giới hạn nồng độ cụ thể 3%. Ngưỡng phân loại hỗn hợp dựa trên dữ liệu liên quan đến độc tính đối với sự phát triển ở động vật. Không quan sát thấy ảnh hưởng bất lợi lên chức năng sinh dục hoặc tổn hại đến khả năng sinh sản trong nghiên cứu trên động vật. Xem Phần 11.

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải

Đưa ra nơi không khí trong lành. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với da

Rửa thật kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Nhận chăm sóc y tế nếu kích ứng phát triển hoặc vẫn còn.

Tiếp xúc với mắt

Không dụi mắt. Ngay lập tức xả rửa bằng một lượng lớn nước ấm và sạch (áp suất thấp) trong thời gian ít nhất là 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ được các hạt. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.

Ăn phải

Nếu xảy ra việc nuốt phải một lượng lớn, hãy tìm kiếm chăm sóc y tế ngay lập tức.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện

Không có dữ liệu.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp

Hóa chất khô, CO₂, bình xịt nước hoặc bọt bình thường.

Chất chữa cháy không phù hợp

Chưa được biết.

Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất

Không áp dụng.

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy

Không có dữ liệu.

Các biện pháp cụ thể

Chưa được xác định.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Đắp đê giữ vật liệu đã đổ, khi có thể. Hấp thu với chất hấp thu trơ, như đất sét khô, cát hoặc đất có nhiều tảo cát, chất hấp thu thương mại hoặc thu hồi bằng bơm.

Các biện pháp đề phòng cho môi trường

Không để sản phẩm đi vào các đường thoát. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Giữ xa tầm tay của trẻ em. Để cách xa nhiệt quá cao hoặc lạnh.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Việt Nam. Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL)

Thành phần	Loại	Giá trị	Dạng
Titan dioxyt (CAS 13463-67-7)	STEL	10 mg/m ³	Bụi có thể hít vào đường hô hấp.
	TWA	6 mg/m ³	Bụi có thể hít vào đường hô hấp.
		5 mg/m ³	Bụi có thể hít vào phổi.

Các Ngưỡng Giới Hạn của Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ

Thành phần	Loại	Giá trị
Titan dioxyt (CAS 13463-67-7)	TWA	10 mg/m ³

Các giá trị giới hạn sinh học

Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm

Vẫn chưa thiết lập giới hạn phơi nhiễm cho sản phẩm này.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Sử dụng tại khu vực thông khí tốt.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt Không có dữ liệu.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay Không có dữ liệu.

Khác Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để giảm thiểu sự phơi nhiễm với da và mắt.

Bảo vệ đường hô hấp Không có dữ liệu.

Các hiểm họa nhiệt Không có dữ liệu.

Các lưu ý vệ sinh chung

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Trong điều kiện nơi làm việc khắc nghiệt, hơi mực có thể ngưng tụ bên ngoài hệ thống in. Bảng dữ liệu Hồ sơ Chất thải cho máy in của bạn tại <https://hpllatexknowledgecenter.com/applications/wasteprofiles> chứa thêm thông tin về cách xử lý phù hợp và thải bỏ chất ngưng tụ.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan

Trạng thái vật lý Chất lỏng.

Dạng Không có dữ liệu.

Màu Trắng.

Mùi Không có dữ liệu.

Ngưỡng phát hiện mùi Không có dữ liệu.

pH 7.4

Điểm chảy/điểm đông Không có dữ liệu.

Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu Không có dữ liệu.

Điểm chớp cháy 146.1 °C (295.0 °F)

Tốc độ bay hơi Không có dữ liệu.

Khả năng cháy (rắn, khí) Không có dữ liệu.

Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ

Giới hạn cháy - dưới (%) Không có dữ liệu.

Giới hạn cháy - trên (%) Không có dữ liệu.

Giới hạn nổ - dưới (%) Không có dữ liệu.

Giới hạn nổ - trên (%) Không có dữ liệu.

Áp suất hơi Không có dữ liệu.

Tỷ khối hơi Không có dữ liệu.

(Các) độ tan

Tính tan (nước) Không có dữ liệu.

Hệ số phân tách (n-octanol/nước) Không có dữ liệu.

Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu.
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu.
Độ nhớt	Không có dữ liệu.
Thông tin khác	
Các tính chất oxy hóa	Không xác định
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	< 221 g/l EPA method 24

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Không có dữ liệu.
Độ bền hóa học	Ổn định trong các điều kiện bảo quản khuyến nghị.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh	Không có dữ liệu.
Các vật liệu tương kỵ	Không tương thích với các base mạnh và các chất ôxi hóa.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Khi phân hủy, sản phẩm này phát ra các oxyt thể khí của nitơ, cacbon monoxyt, cacbon dioxyt và/hoặc các hydrocacbon khối lượng phân tử thấp.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Sử dụng đúng mục đích trong các điều kiện bình thường, vật liệu này không được xem là gây nguy hiểm khi hít phải.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể dẫn đến kích ứng nhẹ.
Tiếp xúc với mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây nên kích ứng nhẹ.
Ăn phải	Chưa biết hoặc dự kiến là không gây tổn thương cho sức khỏe khi sử dụng bình thường.
Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Thành phần	Loại	Kết quả thử nghiệm
2-pyrrolidone (CAS 616-45-5)		
Cấp tính		
Qua Miệng		
LD50	Chuột	> 5000 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng Không được phân loại là chất gây kích ứng theo OECD 405.

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Gây mẫn cảm đường hô hấp	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Gây mẫn cảm da	Non-sensitizer- Local Lymph Node Assay (OECD 429).

Khả năng gây đột biến tế bào mầm Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Khả năng gây ung thư Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Các chất gây ung thư theo Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)

Titan dioxyt (CAS 13463-67-7) A4 Không được phân loại là chất gây ung thư ở người.

Các Chuyên Khảo Của Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC). Đánh Giá Tổng Thể Khả Năng Gây Ung Thư

Titan dioxyt (CAS 13463-67-7) 2B Có thể gây ung thư cho người.

Độc tích sinh sản Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

2-pyrrolidone: Thành phần này chỉ cho thấy những ảnh hưởng lên sự phát triển ở liều cao, gây độc cho động vật thử nghiệm đang mang thai (Hướng dẫn thử nghiệm OECD 414: Nghiên cứu độc tính đối với sự phát triển trước khi sinh). Liều dùng nhỏ cho người dự kiến sẽ không gây độc hại cho quá trình phát triển. Thành phần này không gây ra tác dụng phụ đối với chức năng tinh dục hoặc tổn hại đến khả năng sinh sản trong một nghiên cứu trên động vật (Hướng dẫn thử nghiệm OECD 443: Nghiên cứu độc tính sinh sản kéo dài một thế hệ).

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Hiểm họa hít phải	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Thông tin khác	Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này Tham khảo Mục 2 về tác động sức khỏe tiềm ẩn và Mục 4 về các biện pháp sơ cứu.

12. Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái

Thành phần	Loài	Kết quả thử nghiệm
2-pyrrolidone (CAS 616-45-5)		
Dưới nước		
Lớp tôm cua	EC50 (nồng độ tác dụng 50%) Bọ nước (Daphnia pulex)	13.21 mg/l, 48 giờ
Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có dữ liệu.	
Khả năng tích tụ sinh học	Không có dữ liệu.	
Hệ Số Phân Tách octanol/nước log Kow		
2-pyrrolidone		-0.85
Di chuyển trong đất	Không có dữ liệu.	
Các tác dụng có hại khác	Không có dữ liệu.	

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh. Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp. Chương trình tái chế cung ứng phẩm Planet Partners của HP (thương hiệu) cho phép thực hiện tái chế đơn giản, thuận tiện mực in phun gốc của HP và các cung ứng phẩm LaserJet. Để biết thêm thông tin và để xác định xem dịch vụ này có sẵn tại địa phương của bạn không, vui lòng truy cập http://www.hp.com/recycle .
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Không có dữ liệu.
Bao bì bị ô nhiễm	Không có dữ liệu.

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có dữ liệu.
Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không Được Quy Định
(các) nhóm hiểm họa vận chuyển	
Nhóm	Không có dữ liệu.
Nguy cơ phụ	-
Nhóm Đóng Gói	Không có dữ liệu.
Các hiểm họa cho môi trường	
Chất Ô Nhiễm Biển	Không
Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có dữ liệu.

IATA

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có dữ liệu.
Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không Được Quy Định
(các) nhóm hiểm họa vận chuyển	
Nhóm	Không có dữ liệu.
Nguy cơ phụ	-
Nhóm Đóng Gói	Không có dữ liệu.
Các hiểm họa cho môi trường	Không
Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có dữ liệu.

IMDG

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có dữ liệu.
-----------------------------------	-------------------

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN) Không Được Quy Định

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm Không có dữ liệu.

Nguy cơ phụ -

Nhóm Đóng Gói Không có dữ liệu.

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Chất Ô Nhiễm Biển Không

Dịch Vụ Cấp Cứu Y Tế Không có dữ liệu.

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng Không có dữ liệu.

ADR

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc) Không có dữ liệu.

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN) Không Được Quy Định

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm Không có dữ liệu.

Nguy cơ phụ -

Nhóm Hiểm Họa (ADR - Không có dữ liệu.

Hiệp Ước Châu Âu Về

Vận Chuyển Quốc Tế

Hàng Hóa Nguy Hiểm

Theo Đường Bộ)

Mã hạn chế qua đường hầm Không có dữ liệu.

Nhóm Đóng Gói Không có dữ liệu.

Các hiểm họa cho môi trường Không

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng Không có dữ liệu.

Thông tin khác

Không phải là hàng hoá nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và quy tắc IBC: Không áp dụng.

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia

Hóa chất cấm (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục III, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Hóa chất Sản xuất & Kinh doanh có Điều kiện (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục I, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Hóa chất Phải Khai báo (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục V, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không được quy định.

CWC (Nghị định số 38/2014/ND-CP, về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của công ước Cấm Phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, Bảng 1-3, ngày 6 tháng 5 năm 2014), đã sửa đổi

Không được quy định.

Tiền chất ma túy (Nghị định 82/2013/ND-CP về việc Ban hành các Danh mục Chất ma túy và Tiền chất IV, đã được sửa đổi bởi Nghị định 126/2015/ND-CP, ngày 9 tháng 12 năm 2015), đã sửa đổi

Không được quy định.

Các Yêu Cầu về Kế Hoạch Phòng Ngừa, Ứng Phó Sự Cố & An Toàn cho Hóa Chất Nguy Hại (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục IV, Bảng 1, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) (Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2005), đã sửa đổi

Không được quy định.

Hóa chất Hạn chế Sản xuất & Kinh doanh (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục II, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Các quy định quốc tế

Các thành phần của sản phẩm này được báo cáo trong các danh mục sau: Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, Thụy Sĩ, Canada, Australia và New Zealand.

Hiệp Ước Stockholm

Không áp dụng.

Hiệp Ước Rotterdam

Không áp dụng.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng.

Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

Hiệp Ước Basel

Không áp dụng.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi**Ngày Ban Hành** 28-Tháng-Một-2021**Ngày sửa đổi** 09-Tháng-Tư-2021**Phiên bản số** 02**Khước Từ Trách Nhiệm** Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

Bảng dữ liệu an toàn này có mục đích truyền tải thông tin về mực in HP (mực bột toner) có trong vật tư mực in gốc HP (mực bột toner). Nếu Bảng dữ liệu an toàn của chúng tôi được cung cấp cho bạn cùng với vật tư được nạp lại, sản xuất lại, tương thích hoặc không phải chính gốc HP, vui lòng lưu ý rằng thông tin trong tài liệu này không có ý nghĩa truyền tải thông tin về những sản phẩm như vậy và có thể có sự khác biệt đáng kể với thông tin trong tài liệu này và thông tin an toàn cho sản phẩm bạn đã mua. Vui lòng liên hệ với người bán vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích để biết thông tin tương ứng, bao gồm thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân, các rủi ro phơi nhiễm và hướng dẫn xử lý an toàn. HP không chấp nhận vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích trong các chương trình tái chế của chúng tôi.

Thông tin về sửa đổi

1. Nhận dạng sản phẩm và công ty : Trung tâm độc chất EU
Thành phần cấu tạo / thông tin về các thành phần: Các Thành Phần

Explanation of abbreviations

Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
CAS	Chemical Abstracts Service
Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường (CERCLA)	Đạo luật về Đền bù và Trách nhiệm Phản ứng với Môi trường Toàn diện
CFR	Bộ luật các quy định của liên bang
COC	Cốc Hồ Cleveland
Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)	Department of Transportation
EPCRA	Emergency Planning and Community Right-to-Know Act (aka SARA)
Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC)	International Agency for Research on Cancer
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia
Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP)	National Toxicology Program
Cơ Quan Quản Lý Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp (OSHA)	Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép.
RCRA	Resource Conservation and Recovery Act
REC	Recommended
REL	Recommended Exposure Limit
SARA	Superfund Amendments and Reauthorization Act of 1986
STEL	Short-Term Exposure Limit
Thủ tục xác định độc tính nước rác(TCLP)	Quy trình lọc tính chất độc tính
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Toxic Substances Control Act
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi